

Nghịch lý trong Truyện Kiều

Lê Đình Cúc *

Truyện Kiều là một tác phẩm văn học vĩ đại trong kho tàng văn hóa Việt Nam và cũng là một kiệt tác của văn học thế giới. *Truyện Kiều* cùng với *Đônkihote* của Servantes, (nhà văn Tây Ban Nha thế kỷ XVII) là 2 tác phẩm được phổ cập rộng rãi trong nhân dân. Từ trí thức đến người lao động chân tay, từ thiếu niên đến người già, ai ai cũng biết, cũng nhớ, cũng thuộc ít nhất vài câu, vài đoạn.

Truyện Kiều của Nguyễn Du là tác phẩm duy nhất trên thế giới được sử dụng để bói toán. Hiện tượng bói Kiều, lấy Kiều, vịnh Kiều, nhại Kiều đã có suốt 200 năm qua.

Truyện Kiều có nội dung câu chuyện khá đơn giản. Cốt truyện không có gì đặc biệt. Cốt truyện có từ văn học dân gian Trung Quốc, ở thế kỷ XVI, được Dư Hoài rồi Thanh Tâm Tài Nhân viết lại khá chi tiết. Thế kỷ XVIII, Nguyễn Du đã kế thừa gần như đầy đủ, không sáng tạo thêm gì nhiều.

Vậy sao *Truyện Kiều* của Nguyễn Du lại trở thành độc đáo đến vậy? Ngoài nghệ thuật và ngôn ngữ siêu việt, với ngòi bút thâm trầm chủ nghĩa nhân văn, *Truyện Kiều* đã chạm đến số phận của mỗi con người, ai cũng thấy có một chút mình trong đó. Đó chính là vấn đề mà nghệ thuật hiện đại và hậu hiện đại (thế kỷ XX và XXI) đề cập đến. Hóa ra nghệ thuật của văn học hiện đại thế giới đã được Nguyễn Du thể hiện xuất sắc trong *Truyện Kiều* từ trước đây hai trăm năm. Một trong những thủ pháp nghệ thuật ấy là cái nghịch lý được thể hiện trong tình yêu của Thúy Kiều.

Thấm nhuần đạo đức của Nho giáo và truyền thống văn hóa Việt Nam (quan hệ

nam nữ phải môn đăng hộ đối, nam nữ thụ bất thân) Nguyễn Du đã nêu lên những nguyên tắc rõ ràng trong *Truyện Kiều* nhưng thực tế thì ngược lại. Sự nghịch lý này được thể hiện qua các sự việc, nhân vật trong truyện Nguyễn Du (qua Thúc Sinh) đã nói rõ quan niệm của mình: “*Trăm năm tính cuộc vuông tròn; Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông*”. Điều đó nghĩa là: phải tìm hiểu kỹ về mọi mặt của người mình sẽ cưới làm vợ (như câu tục ngữ: *Gái chọn tông, chồng chọn giống*). Mỗi tình đầu tiên của Thúy Kiều với Kim Trọng được Nguyễn Du xây dựng trên cơ sở lễ giáo truyền thống. Trong khung cảnh thanh bình, náo nhiệt (*Ngựa xe như nước, áo quần như nêm*), trong cảnh trời đất, cây cỏ chan hòa sức sống (*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*), nhóm thanh niên chị em nhà Thúy Kiều và thầy trò Kim Trọng đã gặp nhau trong lễ hội náo nức nhộn nhịp của tiết Thanh minh (tháng 3). Nguyễn Du đã để cho hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân gặp Kim Trọng với thái độ rụt rè, e ấp hết sức kín đáo: “*Chàng Vương quen mặt ra chào; Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa*”.

Rồi cuối buổi gặp gỡ chuyện trò, tình cảm của các bạn trẻ phát triển “*Tình trong như đã mặt ngoài còn e*”. Đó là đức hạnh của trai gái mà xã hội đã quy định thành nề nếp. Dù đã cảm mến nhau nhưng bề ngoài vẫn thể hiện sự e ấp, ngại ngùng. Và khi lễ hội Đạp thanh tiết Thanh minh vãn, chiều đến, mọi người phải chia tay, Nguyễn Du lại

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 01687389192. Email: ledinhcuc@gmail.com.

một lần nữa để cho các bạn trẻ thể hiện cái quy ước của lễ giáo. Kim Trọng ra về, hai chị em nhà Thúy Kiều chỉ dám đưa tiễn bằng ánh mắt mà không dám thể hiện thái độ, tình cảm của họ: "*Khách đà lên ngựa người còn ghé theo*". Cái nét na, sự nhu mì, kín đáo của người con gái trong lễ giáo là như thế.

Nguyễn Du đã để lại một bức tranh tuyệt đẹp về người phụ nữ Việt Nam thế kỷ XVIII và cũng là quan niệm và đạo đức của ông xây dựng trong *Truyện Kiều*.

Nhưng cũng ngay sau đó, khi mối tình của Thúy Kiều và Kim Trọng phát triển, cái nghịch lý xảy ra và càng về sau càng sâu đậm.

Chỉ sau một thời gian ngắn, vào cuối mùa xuân (*Thanh minh trong tiết tháng ba*) đến đầu mùa thu năm ấy Kim Trọng và Thúy Kiều mới có cơ hội gặp lại nhau. Đó là dịp Kim Trọng: "*Lấy điều du học hỏi thuê; Túi đàn, cặp sách đề huề dọn sang*".

Kim Trọng tìm thuê nhà Ngô Việt thương gia ở cạnh nhà Thúy Kiều thực ra để chờ dịp gặp lại hai cô gái ấy. Rồi sự ngẫu nhiên đã xảy ra. Chàng nhìn qua vườn hàng xóm, thấy "*dưới đào đường có bóng người thướt tha*", và chàng bắt được cảnh thoa của ai đó vướng trên cành đào. Sáng hôm sau, người đi tìm thoa lại là Thúy Kiều và ngẫu nhiên Kim Trọng mới gặp riêng Thúy Kiều. Lần gặp gỡ thứ hai này chỉ có hai người là Kim Trọng và Thúy Kiều. Là con nhà gia giáo, Thúy Kiều dù trước đó đã từng rung động trước hình ảnh một chàng trai "*Phong tư tài mạo tuyệt vời; Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa*" với những đêm thao thức và hồi hộp thắm kín: "*Người đâu gặp gỡ làm chi; Trăm năm biết có duyên gì hay không?*".

Nhưng giờ đây, dù chỉ có hai người lại ở nơi vườn cây vắng vẻ, dù Kim Trọng tỏ tình nàng vẫn không vội nhận lời cầu hôn của Kim Trọng: "*Dẫu khi là thắm chỉ hồng; Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha*".

Nàng phải hỏi ý kiến cha mẹ rồi mới trả lời. Dù đã "*Nặng lòng xót liễu vì hoa*" nhưng nàng viện lý do "*Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa*". Rồi khi Kim Trọng tha thiết giải bày thì Thúy Kiều bắt đầu có hành động vượt qua lễ giáo. Dù chưa hỏi ý kiến cha mẹ (cũng như Kim Trọng đâu đã được cha mẹ chàng cho phép "*Chày sương chưa nên cầu lam*") nhưng nàng viện lý do "*Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang*", "*Đã lòng quân tử đa mang*". Thúy Kiều đã nhận lời yêu Kim Trọng: "*Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung*".

Từ hôm đó Kim Trọng và Thúy Kiều yêu nhau. Rồi mấy tuần sau, vào ngày "sinh nhật ngoại gia", khi cha mẹ và hai em về quê mừng, ở nhà chỉ còn một mình Thúy Kiều, nàng đã "*Thời trân thức thức sẵn bày*", làm cỗ để mời Kim Trọng. Xưa nay người Việt Nam vẫn quan niệm "trâu đi tìm cọc". Nhưng đằng này Thúy Kiều làm điều nghịch lý "cọc đi tìm trâu", tức là làm cỗ để mời người yêu. Chưa kịp mời nàng đã sốt ruột, vội vã "*Lần theo núi giả đi vòng*", nghĩa là nàng đã tự mình vượt rào sang nhà Kim Trọng. Và ở đó, hai người trò chuyện, hàn huyên. Nàng đã viết thư đề tranh cho Kim Trọng và uống rượu cùng chàng: "*Lòng xuân phơi phới chén xuân tâng tâng*", mãi đến hết ngày "*Trông ra ác đã ngậm gương non đoài*". Nàng phải ra về bởi "*Vắng nhà chẳng tiện ngồi lâu*". Về nhà nàng biết tin bố mẹ "*còn dở tiệc hoa chưa về*", nàng lại "*xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*" để sang nhà Kim Trọng. Lại lần nữa "cọc đi tìm trâu". Lúc này Kim Trọng vừa thiu thiu ngủ. Thúy Kiều nói: "... *khoảng vắng đêm trường; Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa*".

Ở đây lại có một sự nghịch lý. Từ xưa đến nay Hoa được dùng để chỉ người con gái đẹp (hoa khôi, hoa hậu) chứ không chỉ người con trai (đẹp) bao giờ. Ông Ngô Quốc Quýnh đã rất có lý khi viết: "Dùng chữ hoa để trở bạn mày râu, có lẽ cả thể

giới, chỉ có mình Nguyễn Du"⁽¹⁾. Thúy Kiều "vì hoa (Kim Trọng) nên phải đánh đường tìm hoa" (Kim Trọng). Không phải do sơ xuất, mà Nguyễn Du viết như vậy. Nếu bí vắn (mà điều này không thể xảy ra với nhà thơ thiên tài này) ông có thể tìm từ khác. Rõ ràng là Nguyễn Du cố ý, bởi sau đó khi gặp gia biến, nhà Vương ông bị vu oan, để có tiền chuộc cha Thúy Kiều đã phải bán mình. Đêm cuối cùng ở nhà, trong khi Kim Trọng đang về Liêu Dương hộ tang, nàng đã than thở: "*Thề hoa chưa ráo chén vàng; Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa*". Tức là, nàng phụ lòng Kim Trọng. Lần nữa Nguyễn Du lại sử dụng từ hoa để chỉ đàn ông. Cái sự nghịch lý này nằm trong sự nghịch lý mà chúng ta đang bàn đến.

Trở lại vấn đề "cọc đi tìm trâu". Buổi tối hôm ấy, Thúy Kiều sang nhà Kim Trọng. Hai người gặp nhau lần này mới chỉ là lần thứ 3. Tại cuộc gặp gỡ đêm hôm đó, (chứ không phải là tối hôm đó), Thúy Kiều đã "*Tiên thề cùng thảo một chương*" rồi cắt tóc, thề nguyên yêu nhau, chẳng đợi "nên không thì cũng tại lòng mẹ cha". Kim Trọng cũng chưa có lời dạm hỏi của cha mẹ. Hai người đã "*Chén hà sánh giọng quỳnh tương*", cùng nhau uống rượu để rồi "*Dải là hương lộn, bình gương bóng lờng*". Dải là (dải áo bằng lụa của hai người mà lại hương lộn (lẫn) vào nhau. Họ có gắn sát vào nhau hoặc cởi áo thì hương của người này mới lộn với hương người kia. Tác giả không dùng từ lẫn mà là lộn (trộn, hoà vào nhau). Ở câu 446 nhà thơ cho biết Thúy Kiều và Kim Trọng đều ở trong phòng thấp sát ("*Đài sen nổi sát*") nghĩa là phản chiếu bóng vào gương sẽ là một phía. "*Đài gương bóng lờng*" có nghĩa là trong gương chỉ có một bóng. Hai người mà chỉ có một bóng, cho ta phải hiểu là hai người đang ôm nhau. Đến đây thì chẳng ai còn nhớ đến "nam nữ thụ thụ bất thân" nữa.

Rồi Thúy Kiều, dù có nhắc nhở Kim Trọng (con gái ai mà chẳng thế) nhưng

chính nàng lại khuyến khích bạn trai: "*Đừng điều nguyệt nợ hoa kia; Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai*". Điều chắc chắn của tín hiệu nàng phát ra là "ai lại tiếc gì với ai".

Kim Trọng vốn là nho sĩ, thường thì bị sách vở ám ảnh, nghĩ nhiều nhưng không dám hành động, đã không dám dẫn lên. Kim Trọng khác xa Từ Hải và Thúc Sinh; hai người này đã quyết là làm ngay nên đã lấy được Thúy Kiều làm vợ.

Kim Trọng không hiểu tâm lý phụ nữ để rồi sau này, trước ngày lưu lạc, Thúy Kiều đã áy náy như có chút ân hận và tự trách mình: "*Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*" và "*Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai*".

Thúy Kiều đã vượt trên tất cả những quy ước, lễ giáo. Ấy là sự nghịch lý. Về sau, trong quãng thời gian lưu lạc của Thúy Kiều sự nghịch lý ấy lại tiếp tục xảy ra.

Tình yêu dẫn đến hôn nhân là lẽ thường xưa nay. Cũng có những cặp vợ chồng hôn nhân rồi sẽ có tình yêu trên cơ sở nghĩa vợ chồng. Tình và nghĩa là vậy. Nhưng dù thế nào thì cũng phải có một quá trình và các nghi thức tối thiểu. Đến Mã Giám Sinh "cưới" Thúy Kiều làm vợ (thực chất là lừa đảo vì hắn đi mua gái cho nhà chứa của Tú Bà chứ có phải đi hỏi vợ đâu) cũng có các nghi thức, trước hết là "*vấn danh*" rồi mới "*sính nghi*", sính lễ (ăn hỏi), "*nginh hôn*" (lễ rước dâu).

Đến hôn nhân của Thúy Kiều với Thúc Sinh và Từ Hải thì ngược lại tất cả. Thực tế những nghi thức, lễ giáo của xã hội mà Nguyễn Du nêu lên trong *Truyện Kiều* đã không được thực hiện. Và chỉ có ai phá bỏ nó thì mới thành công. Người nghiêm cẩn với lễ giáo như Kim Trọng đã chẳng đạt được gì.

Người yêu và là chồng chính thức của Thúy Kiều là Thúc Sinh đã không làm như

⁽¹⁾ Ngô Quốc Quỳnh (2010), *Thử tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều*. Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.44.

Kim Trọng. Thúc Sinh là kẻ ăn chơi, cha là thương gia, giàu có. Anh ta theo cha đến Lâm Tri theo học, nơi ấy cha anh ta có cửa hàng buôn bán. Chắc chắn xã hội và đời sống thương gia đã tác động và tạo nên phong cách sống của Thúc Sinh. Ban đầu Thúc Sinh nghe tiếng về Thúy Kiều là người đẹp ("*Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi*"), anh ta gửi "thiệp hồng" đến để gặp mặt. Rồi với tư cách là một kẻ chơi bời, sẵn tiền, anh ta đã dễ dàng chiếm được thân thể Thúy Kiều: "*Hải đường môn mở cảnh tơ; Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng*".

Rồi qua những cuộc trăng gió "*sớm đào tối mạn lân la*" mà tình cảm trai gái mới nảy nở và phát triển thành. "*Trước còn trăng gió*" (chỉ là chơi bời), "*sau ra đá vàng*" tức là đã chuyển sang tình yêu. Rồi đến khi nhân dịp bố về quê, Thúc Sinh đến lầu xanh, gần như ở hẳn với Thúy Kiều: "*Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân; Khi hương sớm khi đà trưa; Bàn vây điểm nước đường tơ họa đàn*".

Rồi cái gì phải đến, đã đến: "*Miệt mài trong cuộc truy hoan; Càng quen thuộc nét càng dan díu tình*".

Nhất là đến ngày hè, Thúc Sinh trông thấy Thúy Kiều tắm khỏa thân: ("*Rõ ràng trong ngọc trắng ngà; Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên*"), chàng mới viết một bài thơ Đường "ngụ tình" mình trong đó ("*Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường*"). Nói cách khác, Thúc Sinh tâm sự, tán tỉnh và gửi gắm tình cảm của mình để ước lòng Thúy Kiều. Vốn là người thông minh, Thúy Kiều biết ý Thúc Sinh ("*Vàng biết ý chàng*") nhưng là người tinh tế nên nàng không trả lời trực tiếp mà chỉ khen bài thơ: "*Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu*". Còn câu trả lời thì nàng lảng tránh ("*Họa vẫn xin hãy chịu chàng hôm sau*"). Đây là kế hoãn binh của Thúy Kiều, bởi ngay sau đó nàng giải thích lí do là Thúc Sinh đã có vợ, lo ngại phận vợ cả vợ lẽ, không biết cha Thúc Sinh có bằng lòng không. Và hơn tất cả là, Thúy Kiều lo lắng về trách nhiệm của mình trong

cuộc tình này: "*Trăm điều ngang ngửa vì tôi; Thân sau ai chịu tội trời ấy cho*".

Thúc Sinh hết lý lẽ đến thế bời. Cái nét "bốc rờn" của chàng bây giờ vận cả vào yêu đương để thuyết phục nàng: "*Đường xa chẳng ngại Ngó - Lào; Trăm điều hãy cứ trông vào một ta*".

Lời hứa "bốc rờn" này rồi sẽ chẳng được anh ta nhớ đến, khi bị vợ ghen, hành hạ Thúy Kiều. Anh ta vì sợ vợ, vì hèn nên bỏ mặc thân Thúy Kiều cho Hoạn Thư đánh đập, làm nhục (ngoài một lời khuyên dãi bời, vô trách nhiệm: "*Liệu mà cao chạy xa bay, Ái ân ta có đường này mà thôi*"). Sau này gặp lại anh ta, người chồng cũ đã nói được một câu có thể tạc vào lịch sử đời người trong ứng xử với cổ nhân: "*Chẳng trăm năm cũng một ngày đôi ta*". Cuộc đời dẫu bề, đa đoan, chẳng may rơi vào hoàn cảnh chia ly thì cũng đừng cạm tàu ráo máng với nhau mà nên cư xử với nhau cho có tình có nghĩa dù chỉ là "một ngày đôi ta". Tình yêu của Thúy Kiều và Thúc Sinh đã lưu lại cho nhân thế một trong những bài thơ tình hay nhất của nhân loại, trong đó có những câu: "*Người về chiếc bóng năm canh; Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi; Vàng trắng ai xẻ làm đôi; Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*".

Để có được Thúy Kiều, Thúc Sinh đã hành động, hành động quyết liệt với mưu mẹo và tiền bạc. Không chỉ có trong tình cảm, chàng dùng hết lý lẽ để thuyết phục và giải bày tình cảm của mình với Thúy Kiều và ngay sau đó chàng đã dám bắt cháp đám người nhà Tú Bà, đưa Thúy Kiều trốn khỏi lầu xanh, đưa nàng "*về hãy tạm giấu nàng một nơi*" rồi lập mưu để giải phóng cho nàng: "*Chiến hòa sắp sẵn hai bài; Cậy tay thầy thợ mượn người dò la*".

Kể ra thì Thúc Sinh cũng quá vất vả. Giấu Thúy Kiều nơi khác, anh ta mượn người dò la xem tình hình ở lầu xanh nhà Tú Bà phản ứng ra sao, nhờ cậy người có nhiều mưu mẹo để ứng xử và giải quyết sự việc này. Thúc Sinh chuẩn bị hai phương

án. Chiến là dọa đưa Tú Bà ra pháp luật. Nhưng mục đích của Thúc Sinh không phải là đi kiện Tú Bà mà là có được Thúy Kiều để cưới nàng làm vợ. Do vậy mà chàng có cả kế hoạch thứ hai là hòa. Hòa là trả tiền cho mẹ Tú Bà để chuộc Thúy Kiều đưa nàng hoàn lương.

May cho Thúc Sinh, đối thủ của chàng lại là Tú Bà tham tiền. Hơn nữa thì Thúy Kiều đã được đưa đi rồi, chẳng đồng ý lấy tiền cũng chẳng được, lại ra toà án thì pháp luật cũng có thể chẳng tha cho mẹ. Vì vậy mẹ chấp nhận "*cầu hòa dám sao*". Mẹ "của dấn tay trao", nhận lấy tiền để cho Thúy Kiều và Thúc Sinh làm đơn xin cửa quan trở thành người lương thiện. Nhờ vậy Thúc Sinh mới lấy được Thúy Kiều làm vợ. Yêu Thúy Kiều và hành động quyết liệt, dùng trí tuệ, tiền bạc, công sức vào đó. Thúc Sinh đã chiếm được thân thể của Thúy Kiều trước rồi sau đó mới có tình cảm yêu đương, tiếp đó mới "chiến đấu" cho tình yêu và các thủ tục lễ giáo khác. Thúc Sinh đã được làm chồng Thúy Kiều.

Người chồng thứ hai của Thúy Kiều là Từ Hải. Là một người "*giang hồ quen thói vẫy vùng*". Trong con mắt và dư luận xã hội Từ Hải là "giặc" không "môn đăng hộ đối" với nhà Viên ngoại họ Vương, gia thế của Thúy Kiều. Từ Hải cũng không thuộc tầng lớp nho sĩ như Kim Trọng hay "sinh viên" như Thúc Sinh, nghĩa là khác xa tầng lớp xuất thân của Thúy Kiều. Từ Hải đã làm cho triều đình khốn đốn, đã làm cho "*động địa kinh thiên ùng ùng*", đã "*rạch đôi sơn hà*" bằng những chiến công lẫy lừng của mình. Riêng trong mối tình với Thúy Kiều chàng là người quyết liệt, đáng mặt người đàn ông. Lúc đầu Từ Hải cũng chỉ là khách làng chơi "*Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều*" nhưng ngay lúc gặp nàng thì đã "*Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa*" và rồi chàng đi ngay vào vấn đề: "*Bấy lâu nghe tiếng má đào; Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?*".

Từ Hải không chỉ hỏi thẳng Thúy Kiều, không rào đón, vòng vèo như Kim Trọng rề

rà, xa gần từ chuyện bắt được chiếc thoa cài đầu đến chuyện "*Biết đâu hợp phố mà mong châu về*", từ chuyện quan hệ hàng xóm "*Lân lý ra vào*", rồi đến chuyện "*Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng?*". Từ Hải không chỉ hỏi thẳng với cái giọng hơi cà chớn, mà còn khuyên Thúy Kiều: cô hãy đi với tôi bởi tôi đâu có phải như bọn người khác đến chơi lâu xanh, tôi đâu có "*phải người trắng gió vật vờ*", mà là "*một đời được mấy anh hùng*" như tôi. Đi với tôi chứ "*bỏ chi cá chậu chim lồng*" như vậy. Rồi Thúy Kiều đáp lại cái sự đường đột, ngay thẳng và cương quyết của Từ Hải bằng những lời khiêm tốn chân thành có phần nhún nhường của một người con gái nhu mì nhưng sắc sảo làm cho Từ Hải phải nể và thêm phần quý mến: "*Thưa rằng lượng cả bao dung; Tấn Dương được thấy mây rồng có phen; Rộng thương nội cỏ hoa hèn; Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau*".

Từ Hải cũng chẳng phải giả vờ khiêm tốn, kiêu cách mà lại nói thẳng, cũng là lời hứa với Thúy Kiều (nhưng không phải là hứa hão và khách sáo như Thúc Sinh): "*Một lời đã biết đến ta; Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau*".

Và Từ Hải không chần chừ, bỏ ngay tiền ra chuộc Thúy Kiều, không bớt xén, không mặc cả ("*nguyên ngân*" tiền trăm như số tiền mà Bạc Bà đã bỏ ra mua Thúy Kiều trước đây) rồi tổ chức ngay đám cưới. Từ Hải và Thúy Kiều sống hạnh phúc bên nhau: "*Trai anh hùng gái thuyền quyên; Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười rôm*".

Với thủ pháp nghệ thuật nghịch lý, về sau này văn học hiện đại và hậu hiện đại đã sử dụng phổ biến và nâng lên thành một trong những đặc điểm nổi trội. Với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã đặt nhân vật và sự kiện trong hoàn cảnh cụ thể, trong sự vận động tâm lý của nhân vật, do đó dù có sự "nghịch lý", thì người đọc các thế hệ, dù trải qua hàng trăm năm vẫn chấp nhận như là lẽ đương nhiên của cuộc sống, đó là nghệ thuật và thiên tài của Nguyễn Du.

